

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/HS-PT**

Ngày: 18-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K và bị hại Nguyễn Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trung K, sinh năm 1984 tại Nghệ An; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp D, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P; bị cáo có vợ Phạm Hải L và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; HKTT: Tổ 3, ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng người này không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên không được Tòa án triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2018, Nguyễn Trung K lên mạng xã hội Facebook thuê Nguyễn Như B làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 9.000.000 đồng để sử dụng khi cần thiết sẽ sử dụng để thế chấp vay tiền. K cung cấp cho B thông tin nhân thân của K và địa chỉ thửa đất cần làm giấy giả cho B qua số tài khoản 060180315848, ngân hàng Sacombank, chi nhánh quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, thông qua xe vận chuyển hành khách, B gửi giấy CNQSDĐ giả số CM566291; thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37; địa chỉ thửa đất: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, diện tích 182,5m², số vào sổ cấp GCN: 06704, T, cấp ngày 23/10/2018, người ký: Nguyễn Thìn B- Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước do K đứng tên chủ sở hữu.

Khoảng tháng 11 năm 2020, K đến gặp anh Nguyễn Văn D thế chấp thửa đất trong giấy CNQSDĐ giả, số CM566291 trên cho anh D để vay số tiền 200.000.000 đồng thì anh D đồng ý. Anh D và K thỏa thuận anh K sẽ làm hợp đồng công chứng ủy quyền thửa đất trên qua cho anh D và trong thời hạn 03 tháng K trả số tiền 200.000.000 đồng thì anh D hủy bỏ hợp đồng đã ủy quyền nếu K không trả số tiền đã vay thì anh D sẽ được chuyển nhượng thửa đất trong giấy CNQSDĐ giả, số CM566291. Ngày 05/01/2021, anh D và K đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Q, địa chỉ: Ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước lập hợp đồng ủy quyền toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất trong giấy CNQSDĐ giả số CM566291 cho anh D được toàn quyền định đoạt, quản lý, chuyển nhượng, thế chấp để vay vốn. Sau khi công chứng thành công hợp đồng ủy quyền trên, anh D đưa cho K vay số tiền 20.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 01//2021, K đến nhà gặp anh D vay thêm 100.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 01/2021, K đến nhà gặp anh D vay thêm 100.000.000 đồng và tiếp tục thế chấp thửa đất trong giấy CNQSDĐ giả số CM566291 sang cho anh D với giá 400.000.000 đồng thì K đồng ý. Anh D tiếp tục đưa cho K 20.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi có kết quả trích lục bản đồ thửa đất trên thì anh D sẽ trả cho K số tiền còn lại 80.000.000 đồng.

Ngày 09/3/2021, anh D đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước để làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong giấy CNQSDĐ giả, số CM566291 thì phát hiện giấy CNQSDĐ số CM566291 K đưa cho anh D là giả. Sau đó, anh D đến Cơ quan công an trình báo.

Kết luận giám định số 27/2021/GĐ-TL ngày 03/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM566291 là giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Căn cứ điểm b, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50, 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 5 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Trung K phải chấp hành là: 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2021, bị cáo Nguyễn Trung K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Trung K xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước và căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 BLTTHS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm bị cáo đã được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại tiền cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo về hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 5 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp, không nặng so với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm, bị hại không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K. Cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Trung K: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, bị cáo K rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2021/HS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50, 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 5 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Trung K phải chấp hành là: 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trung K không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư Pháp; (1)
- TAND, VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C; (1)
- Công an huyện C; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh